

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 267/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm
giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Tĩnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 30

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 397/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số 330/BC-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025 như sau:***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch đã được thông qua	Kế hoạch đề xuất điều chỉnh
1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	82.578.975	90.781.513
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nội địa	39.934.860	47.809.825
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	42.644.115	42.644.115
- Thu huy động đóng góp nhân dân		259.209
- Thu viện trợ		68.364
2. Tổng thu ngân sách địa phương	104.722.339	157.722.371
- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	37.888.447	45.777.532
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	64.433.892	60.111.322
- Thu chuyển nguồn	2.400.000	50.290.084
- Thu kết dư ngân sách		1.543.433
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	103.413.602	153.728.448
<i>Trong đó:</i>		
- Chi đầu tư phát triển	30.147.500	46.319.738
- Chi thường xuyên	70.837.702	55.316.238
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	121.700	58.917
- Chi khác	6.700	6.700
- Chi chuyển nguồn	2.300.000	51.530.900
- Chi nộp ngân sách Trung ương		493.355
- Chi hỗ trợ địa phương khác		2.600
4. Kế hoạch vay và trả nợ giai đoạn 2021-2025:		
- Tổng nhu cầu vốn vay	1.229.251	1.093.289
- Tổng kế hoạch trả nợ	351.253	121.022

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Các nội dung còn lại tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực II;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ₅, TH₂.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Tú Anh



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 24/ 7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh
		Giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	54.777.138	7.441.128	8.241.568	12.789.376	13.494.868	12.810.198	82.578.975	90.781.513
I	Thu nội địa	33.421.343	5.419.153	6.025.224	6.756.653	7.231.584	7.988.729	39.934.860	47.809.825
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	9.606.238	1.212.059	1.599.222	1.964.951	2.439.697	2.390.309	11.500.000	15.372.979
	Thu xổ số kiến thiết	42.837	5.963	6.179	10.484	10.647	9.564	55.800	81.326
II	Thu từ đầu thô (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)	21.251.508	2.021.975	2.216.344	5.983.058	6.243.170	4.786.961	42.644.115	42.644.115
IV	Thu huy động đóng góp nhân dân	104.287	-	-	49.665	20.114	34.508	-	259.209
V	Thu viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	68.364
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	103.334.042	16.310.956	18.745.956	20.282.786	23.023.148	24.971.196	104.722.339	157.722.371
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	31.247.981	5.357.934	5.619.640	6.317.526	6.654.052	7.298.829	37.888.447	45.777.532
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.285.465	6.948.928	9.033.433	9.110.306	10.233.433	10.959.365	64.433.892	60.111.322
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	28.388.491	3.261.673	5.719.191	6.073.471	6.605.200	6.728.956	64.433.892	38.840.572
-	Thu bổ sung có mục tiêu	17.896.974	3.687.255	3.314.242	3.036.835	3.628.233	4.230.409	-	21.270.750
III	Thu bổ sung từ quỹ dự trữ tài chính	291.135	-	91.135	-	-	200.000	-	-
IV	Thu chuyển nguồn	24.954.819	3.918.568	3.949.890	4.803.784	5.956.094	6.326.483	2.400.000	50.290.084
V	Thu kết dư ngân sách	554.642	85.526	51.858	51.170	179.569	186.519	-	1.543.433
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	101.932.191	16.069.313	18.538.044	19.661.790	22.763.505	24.899.539	103.413.602	153.728.448
I	Chi đầu tư phát triển	26.554.966	4.237.625	4.717.659	4.359.377	6.152.204	7.088.101	30.147.500	46.319.738
II	Chi thường xuyên	47.132.621	7.641.258	9.015.034	9.643.917	10.282.764	10.549.648	70.837.702	55.316.238
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.042	-	-	1.062	714	1.266	121.700	58.917
IV	Chi khác	245.981	240.540	1.421	1.340	1.340	1.340	6.700	6.700
V	Chi chuyển nguồn	27.995.581	3.949.890	4.803.930	5.656.094	6.326.483	7.259.184	2.300.000	51.530.900
VI	Chi nộp ngân sách Trung ương	-	-	-	-	-	-	-	493.355
VII	Chi hỗ trợ địa phương khác	-	-	-	-	-	-	-	2.600
D	BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	202.075	-	-	26.193	47.949	127.933	1.229.251	1.093.289
E	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương			1.035.630	984.779	1.029.516	1.069.716	1.447.675	2.099.449
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)		902.808	748.612	591.011	479.100	437.487	534.215	312.851
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)	570.668	154.196	157.601	138.104	89.562	31.205	351.253	121.022
-	Từ nguồn bội thu ngân sách địa phương; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh	453.938	130.850	134.255	114.758	66.216	7.859	340.165	115.922
-	Dự án tự đảm bảo	116.730	23.346	23.346	23.346	23.346	23.346	11.088	5.100
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)	202.075	-	-	26.193	47.949	127.933	1.229.251	1.093.289
-	Vay để bù đắp bội chi	202.075	-	-	26.193	47.949	127.933	1.229.251	1.093.289
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)		748.612	591.011	479.100	437.487	534.215	1.412.213	1.285.119

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH